

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày (date) 19 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu/(Serial No):

1K23TAA

Số hóa đơn/(Invoice No): 6446

**THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Tên người mua hàng/(Customer's name):

Tên đơn vị/(Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH

Mã số thuế/(Tax code): 0107219179

Địa chỉ/(Address): Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản/(Account No):

Hình thức thanh toán/(Payment method): CK

Đơn vị tiền tệ/(Currency): VND

Tỷ giá/(Exchange rate): 1

| STT<br>(No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Name of goods and services) | Giấy chứng<br>nhận/Hợp đồng/<br>Đơn BH số<br>(Insurance<br>Certificate/<br>Contract number/<br>Policy number) | Số tiền trước<br>thuế GTGT<br>(Amount be<br>fore VAT) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(VAT<br>rate) | Tiền thuế<br>GTGT<br>(VAT) | Ghi chú<br>(Note) |
|--------------|---|---|---|---------------------------------------|----------------------------|-------------------|
| (1)          | (2)   | (3)   | (4)   | (5)                                   | (6 = 4 x 5)                | (7)               |
| 1            | Bảo hiểm Cháy nổ bắt buộc - Thiệt hại vật chất        | 6541522   | 105.599.078   | 10%                                   | 10.559.908                 | Sojo Lào Cai      |
| 2            | Bảo hiểm TN công cộng                                 | 6541563   | 7.200.000   | 10%                                   | 720.000                    | Sojo Lào Cai      |

Tổng hợp theo thuế suất/(Summary by VAT rate):

| Loại thuế suất/(VAT Rate)                    | Số tiền trước thuế/<br>(Amount before VAT) | Tiền thuế GTGT/(VAT) | Thành tiền/(Amount<br>included VAT) VND |
|--|--|----------------------|---|
| Hàng hóa DV 10%/( 10% VAT)                   | 112.799.078                                | 11.279.908           | 124.078.986                             |
| <b>Tổng tiền thanh toán/(Total payment):</b> | <b>112.799.078</b>                         | <b>11.279.908</b>    | <b>124.078.986</b>                      |

Số tiền viết bằng chữ/(Total amount in words): Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng

Thông tin bổ sung/(Additional Information):

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)Người bán hàng  
(Ký, đóng dấu)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG

Ký ngày 19/10/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search> Mã số bí mật: X826NDY1990HZTH

## THÔNG BÁO THU PHÍ BẢO HIỂM

BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC MỞ  
RỘNG MỌI RỦI RO TÀI SẢN

Ngày: 19/10/2023

Số thông báo thu phí: HD34/2023/HĐBH/TNH-BVTL.TBTP  
Kèm theo đơn/GCNBH số: (SỐ IJ 6541522)  
Người được bảo hiểm: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH  
Địa chỉ liên lạc: Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Thời hạn bảo hiểm: Từ 00h00 ngày 20/10/2023 đến 23h59' ngày 31/12/2024 theo giờ: GMT

## Thông tin chi tiết phí bảo hiểm

| Phạm vi bảo hiểm               | Phí bảo hiểm thuần (VND) | Thuế GTGT (VND) | Tổng phí gồm VAT (VND) |
|--------------------------------|--------------------------|-----------------|------------------------|
| BH Cháy nổ BB mở rộng Mọi RRTS | 105.599.078              | 10.559.908      | 116.158.986            |

Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn chín trăm tám sáu đồng.

## Điều khoản thanh toán phí bảo hiểm kỳ 1:

| Hạn thanh toán        | Loại tiền | Phí bảo hiểm | Thuế GTGT  | Số tiền thanh toán |
|-----------------------|-----------|--------------|------------|--------------------|
| Trước ngày 19/11/2023 | VND       | 105.599.078  | 10.559.908 | 116.158.986        |

Đề nghị Quý công ty thanh toán số tiền phí bảo hiểm trên vào tài khoản sau:

Tên tài khoản thụ hưởng: Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Số tài khoản thụ hưởng: 011.0101.0366.999

Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Hội Sở Chính

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT  
CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

## THÔNG BÁO THU PHÍ BẢO HIỂM

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG

Ngày: 19/10/2023

Số thông báo thu phí:

HD13 /2023/BHTNCC/TNH-BVTL.TBTP

Kèm theo đơn/GCNBH số:

(SỐ IJ 6541563)

Người được bảo hiểm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH

Địa chỉ liên lạc:

Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời hạn bảo hiểm:

Từ 00h00 ngày 20/10/2023

theo giờ: GMT

Đến 23h59' ngày 31/12/2024

## Thông tin chi tiết phí bảo hiểm

| Phạm vi bảo hiểm         | Phí bảo hiểm thuần<br>(VND) | Thuế GTGT<br>(VND) | Tổng phí gồm VAT<br>(VND) |
|--------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------|
| BH Trách nhiệm công cộng | 7.200.000                   | 720.000            | 7.920.000                 |

Bằng chữ: Bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng.

## Điều khoản thanh toán phí bảo hiểm kỳ 1:

| Hạn thanh toán        | Loại tiền | Phí bảo hiểm | Thuế GTGT | Số tiền thanh toán |
|-----------------------|-----------|--------------|-----------|--------------------|
| Trước ngày 19/11/2023 | VND       | 7.200.000    | 720.000   | 7.920.000          |

Đề nghị Quý công ty thanh toán số tiền phí bảo hiểm trên vào tài khoản sau:

Tên tài khoản thụ hưởng: Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Số tài khoản thụ hưởng: 011.0101.0366.999

Tại ngân hàng:

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Hội Sở Chính

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT  
CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG

BẢO HIỂM BẢO VIỆT  
- CÔNG TY  
BẢO VIỆT  
THĂNG LONG  
Q. ĐỐNG ĐA - T.P. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thụy

## GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

## BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG

Số đơn bảo hiểm: 6541563 Ngày cấp: 12/10/2023  
Người mua bảo hiểm: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH  
Mã số khách hàng: 2151641  
Địa chỉ liên lạc: Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Người được bảo hiểm: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH  
Ngành nghề kinh doanh: Khách sạn  
Thời hạn bảo hiểm: Từ 00:00 ngày 20/10/2023  
Đến 23:59 ngày 31/12/2024

## Thông tin chi tiết về đối tượng được bảo hiểm

Địa điểm được bảo hiểm: Khách sạn SOJO Lào Cai tại Đường An Dương Vương, và đường Hồng Hà, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Lào Cai, Việt Nam  
Giới hạn trách nhiệm: 20.000.000.000 VND cho mỗi sự cố  
20.000.000.000 VND cho tổng số vụ  
Chi phí pháp lý: (trong giới hạn trách nhiệm)  
Giới hạn địa lý: Khách sạn SOJO Lào Cai tại Đường An Dương Vương và đường Hồng Hà, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai  
Giới hạn pháp lý: Việt Nam  
Cơ sở khiếu nại: Cơ sở sự cố  
Mức khấu trừ: 5.000.000 VND/vụ  
Điều kiện & Điều khoản: Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm công cộng (Ban hành theo Quyết định số: 2302/QĐ-BHBV ngày 22/04/2019 của TGD TCT Bảo hiểm Bảo Việt)  
Các điều khoản bổ sung: Các điều khoản bổ sung sau được đính kèm và là một phần của đơn bảo hiểm.

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ |
|-----|---|-------------|
| 1   | BVGE001: Điều khoản về thông báo chấm dứt hợp đồng trong vòng 30 ngày |             |

|    |  |   |
|----|--|---|
| 2  | BVGE003: Điều khoản sử dụng giám định độc lập  |   |
| 3  | BVGE006: Điều khoản tự động mở rộng thời hạn bảo hiểm (Giới hạn 30 ngày) với phí bảo hiểm bổ sung theo tỷ lệ |   |
| 4  | BVGE011: Điều khoản loại trừ rủi ro an ninh mạng   |   |
| 5  | BVGE019: Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng   | 50% tổn thất ước tính   |
| 6  | BVGE023: Điều khoản về loại trừ rủi ro khủng bố NMA 2921   |   |
| 7  | BVGE026: Điều khoản cấm vận thương mại quốc tế   |   |
| 8  | BVGE032: Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm – LMA5396   |   |
| 9  | BVGE033: Điều khoản khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm   |   |
| 10 | PBL02: Điều khoản thay thế và sửa chữa   | (áp dụng cho hợp đồng có giá trị xây dựng dưới 500.000.000VND ) |
| 11 | PBL04: Điều khoản trách nhiệm bãi đỗ xe  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 12 | PBL06: Điều khoản trách nhiệm độc lập đối với xe cơ giới không thuộc sở hữu                                  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 13 | PBL08: Điều khoản trách nhiệm chéo   |   |
| 14 | PBL10: Điều khoản đồ ăn, thức uống bị nhiễm độc  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 15 | PBL13: Điều khoản chi phí y tế khẩn cấp  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 16 | PBL22: Điều khoản trách nhiệm thang máy  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 17 | PBL23: Điều khoản mở rộng về bốc xếp và dỡ hàng  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 18 | PBL24: Điều khoản trách nhiệm với bảng hiệu đèn neon, bảng hiệu quảng cáo                                    | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 19 | PBL25: Điều khoản máy móc và thiết bị  | 500.000.000 VND /vụ và 2.000.000.000 VND tổng số vụ             |
| 20 | PBL29: Điều khoản rò rỉ hệ thống chữa cháy tự động   | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 21 | PBL30. Điều khoản ô nhiễm ngẫu nhiên và bất ngờ  |   |
| 22 | PBL31. Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm của người thuê nhà  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                              |
| 23 | PBL32: Điều khoản từ bỏ thể quyền  |   |

|    |  |                                    |
|----|--|------------------------------------|
| 24 | PBL33: Điều khoản về trách nhiệm phát sinh từ công việc của đội cứu hỏa  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ |
| 25 | Điều khoản Bể bơi ( Giới hạn bồi thường : 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ - Cam kết có nhân viên cứu hộ được đào tạo và trực trong giờ hoạt động của bể bơi.) |                                    |
| 26 | Điều khoản Di dời nội bộ   |                                    |

**Thông tin chi tiết phí bảo hiểm**

| Nghệp vụ bảo hiểm           | Phí bảo hiểm | GTGT    | Thanh toán | Loại tiền |
|-----------------------------|--------------|---------|------------|-----------|
| Phí bảo hiểm năm:           | 6.000.000    |         |            | VND       |
| Phí theo thời hạn bảo hiểm: | 7.200.000    | 720.000 | 7.920.000  | VND       |
| <b>Tổng cộng:</b>           |              |         | 7.920.000  | VND       |

**Điều khoản thanh toán phí bảo hiểm:**

| Hạn thanh toán                         | Phí       | Thuế    | Số tiền thanh toán | Loại tiền |
|--|-----------|---------|--------------------|-----------|
| Thanh toán 1 lần trước ngày 19/11/2023 | 7.200.000 | 720.000 | 7.920.000          | VND       |

**Lưu ý**

Các điều kiện, điều khoản, quy tắc, cam kết, sửa đổi bổ sung, các giấy yêu cầu bảo hiểm, giấy yêu cầu sửa đổi bổ sung đính kèm là bộ phận cấu thành và không thể tách rời với đơn bảo hiểm này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Huy*





## GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

## BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC

|                        |  |                      |
|------------------------|--|----------------------|
| Số đơn bảo hiểm:       | 6541522  | Ngày cấp: 12/10/2023 |
| Người được bảo hiểm:   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH  |                      |
| Chủ hợp đồng bảo hiểm: | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH  |                      |
| Mã số khách hàng:      | 2151641  |                      |
| Địa chỉ liên lạc:      | Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam |                      |
| Ngành nghề kinh doanh: | Khách sạn  |                      |
| Thời hạn bảo hiểm:     | Từ 00:00 ngày 20/10/2023<br>Đến 23:59 ngày 31/12/2024  |                      |
| Tổng phí bảo hiểm:     | 105.599.078 VND  |                      |
| Tổng thuế GTGT:        | 10.559.908 VND   |                      |
| Tổng phí thanh toán:   | 116.158.986 VND  |                      |

## Thông tin chi tiết về đối tượng được bảo hiểm

|                         |   |  |
|-------------------------|---|--|
| Địa điểm được bảo hiểm: | Khách sạn SOJO Lào Cai tại Đường An Dương Vương, đường Hồng Hà, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam |  |
| Loại hình bảo hiểm:     | Bảo hiểm Cháy Nổ bắt buộc mở rộng Mọi rủi ro tài sản  |  |
| Đối tượng bảo hiểm:     | Số tiền bảo hiểm theo danh mục tài sản đính kèm   |  |
| Mã ngành:               | 6000-6102-1   |  |

## Thiệt hại vật chất

| Hạng mục   | Số tiền BH   | Cơ sở định giá     |
|--|--|--------------------|
| - Số tiền bảo hiểm theo danh mục tài sản đính kèm: | 175.998.463.989 VND  | Giá trị bồi thường |
| <b>Tổng số tiền BH:</b>                            | <b>175.998.463.989 VND</b>   |                    |
| Mức khấu trừ:                                      | + Rủi ro cháy, nổ: 60.000.000 VND/Vụ<br>+ Rủi ro khác: 10.000.000 VND/Vụ |                    |

Tỷ lệ phí của rủi ro cháy và nổ/năm: 0,05%

Tỷ lệ phí cho rủi ro bổ sung/năm: 0%

Điều kiện & Điều khoản:

\*Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ  
\*Quy tắc Bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo QĐ số 4257/QĐ-BHBV ngày 24/7/2019 của TGD TCT BHBV.

Điều khoản bổ sung:

Các điều khoản bổ sung sau được đính kèm và là một phần của đơn bảo hiểm.

**Điều khoản chung**

| STT | Điều khoản bổ sung   | Hạn mức phụ                         |
|-----|--|-------------------------------------|
| 1   | BVGE002: Điều khoản Loại trừ Bệnh truyền nhiễm – LMA5393   |                                     |
| 2   | BVGE003: Điều khoản Cấm vận thương mại quốc tế   |                                     |
| 3   | BVGE004: Điều khoản Khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm   |                                     |
| 4   | BVGE005: Điều khoản về Loại trừ Khủng bố   |                                     |
| 5   | BVGE006: Điều khoản cam kết trực bảo vệ 24 giờ   |                                     |
| 6   | BVGE007: Điều khoản cam kết tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy  |                                     |
| 7   | BVGE010: Điều khoản về Vi phạm các điều kiện hợp đồng  |                                     |
| 8   | BVGE011: Điều khoản về Vi phạm cam kết hợp đồng  |                                     |
| 9   | BVGE012: Điều khoản về Tiền tệ   |                                     |
| 10  | BVGE014: Điều khoản Quy định về Thông báo tổn thất   | 30 ngày                             |
| 11  | BVGE016: Điều khoản về Mô tả sai   |                                     |
| 12  | BVGE020: Điều khoản về Thông báo chấm dứt hợp đồng trong vòng 30 ngày  |                                     |
| 13  | BVGE022: Điều khoản Cam kết thanh toán phí bảo hiểm  |                                     |
| 14  | BVGE024: Điều khoản loại trừ đường dây truyền tải và phân phối điện  | 1 km tính từ biên địa điểm bảo hiểm |
| 15  | BVGE034: Điều khoản Loại trừ Rủi ro Dữ liệu và An ninh mạng - LMA 5401   |                                     |
| 16  | Điều khoản mở rộng bảo hiểm cho đường, vỉa hè, hạ tầng cơ sở trong khuôn viên được bảo hiểm ( giới hạn : 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm(Chỉ áp dụng rủi ro FLEXA) |                                     |
| 17  | Điều khoản về chi phí phụ phát sinh bao gồm cước vận chuyển đường hàng không ( Giới hạn : 7.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm)                                    |                                     |
| 18  | Điều khoản về Va chạm với các phương tiện xe cơ giới   |                                     |
| 19  | Điều khoản về Hạn mức tòa nhà  |                                     |

**Thiệt hại vật chất**

| STT | Điều khoản bổ sung | Hạn mức phụ |
|-----|--------------------|-------------|
|-----|--------------------|-------------|



|    |   |  |
|----|---|--|
| 1  | BVPD001: Điều khoản về Một phần tòa nhà/công trình xây dựng không hư hại bị bỏ đi                       |  |
| 2  | BVPD002: Điều khoản về Rò rỉ hay Cháy tràn bất ngờ  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                      |
| 3  | BVPD004: Điều khoản về Chi phí kế toán và Chi phí lập hồ sơ khiếu nại                                   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 4  | BVPD005: Điều khoản về Phá hủy theo lệnh của cơ quan công quyền   |  |
| 5  | BVPD009: Điều khoản về Bảo hiểm các tài sản khác  | 500.000 VND/hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ                       |
| 6  | BVPD011: Điều khoản về Thay đổi và Sửa chữa   | 1.000.000.000 VND/hợp đồng sửa chữa  |
| 7  | BVPD012: Điều khoản về Xác định giá trị tài sản   | 1.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                       |
| 8  | BVPD013: Điều khoản về Sử dụng Giám định độc lập  |  |
| 9  | BVPD014: Điều khoản về Chi phí cho Kiến trúc sư, Giám định viên, Chuyên gia tư vấn, Kỹ sư               | 10.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                      |
| 10 | BVPD017: Điều khoản về Tự động mở rộng thời hạn bảo hiểm 30 ngày (Phí bảo hiểm bổ sung tính theo tỷ lệ) |  |
| 11 | BVPD018: Điều khoản về Tự động bảo hiểm cho Tài sản mới và/hoặc Tài sản bổ sung                         | 10% số tiền bảo hiểm   |
| 12 | BVPD019: Điều khoản về Tự động khôi phục Số tiền bảo hiểm   |  |
| 13 | BVPD020: Điều khoản quy định về xe ô tô   |  |
| 14 | BVPD022: Điều khoản Bảo hiểm dưới giá trị 85% (loại trừ hạng mục hàng hóa)                              |  |
| 15 | BVPD023: Điều khoản về Mái hiên, Mái che, Biển hiệu và các tài sản cố định bên ngoài khác               | 5.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (Chi áp dụng rủi ro FLEXA) |
| 16 | BVPD032: Điều khoản về Kiểm soát tài sản  |  |
| 17 | BVPD033: Điều khoản về Chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 18 | BVPD034: Điều khoản về Chi phí Phá hủy, Dọn dẹp, Bảo vệ tạm thời và Lắp đặt hàng rào                    | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 19 | BVPD035: Điều khoản về Chi phí soạn thảo lại dữ liệu và Chi phí lập hồ sơ khiếu nại                     | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 20 | BVPD036: Điều khoản về Chi phí tái lắp đặt  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |



|    |   |  |
|----|---|--|
| 21 | BVPD037: Điều khoản về Chi phí ghi chép lại dữ liệu   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 22 | BVPD038: Điều khoản về Chi phí bảo vệ tạm thời  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 23 | BVPD039: Điều khoản về Hàng hóa của khách hàng  | 500.000 VND/hạng mục và<br>3.000.000.000 VND/tổng số vụ  |
| 24 | BVPD040: Điều khoản về Thuế   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong suốt thời hạn bảo hiểm   |
| 25 | BVPD041: Điều khoản về Mô tả tài sản được bảo hiểm  |  |
| 26 | BVPD044: Điều khoản về Tài sản cá nhân của Giám đốc và Nhân viên                              | 500.000 VND/ hạng mục và<br>3.000.000.000 VND cả thời hạn<br>bảo hiểm  |
| 27 | BVPD047: Điều khoản Thiết bị điện 4B  |  |
| 28 | BVPD049: Điều khoản về Bảo hiểm hỏng hóc thiết bị điện tử, máy tính và thiết bị xử lý dữ liệu | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 29 | BVPD050: Điều khoản về Sai sót  |  |
| 30 | BVPD051: Điều khoản về Trượt giá  | 20%  |
| 31 | BVPD053: Điều khoản về Chi phí phát sinh thêm   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 32 | BVPD056: Điều khoản về Bảo hiểm lòng trung thực của nhân viên                                 | 1.000.000.000 VND/vụ<br>Và 3.000.000.000 VND/tổng số<br>vụ. Kê khai danh sách nhân viên  |
| 33 | BVPD057: Điều khoản về Chi phí cho đội chữa cháy chuyên nghiệp                                | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 34 | BVPD058: Điều khoản về Chi phí chữa cháy  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 35 | BVPD059: Điều khoản về Trộm cắp đầy đủ (không sử dụng sức mạnh và bạo lực)                    | 3.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm -<br>Theo kết luận báo cáo điều tra<br>của Công An về thiệt hại,<br>nguyên nhân và thủ phạm |
| 36 | BVPD060: Điều khoản về Tồn thất do dòng điện đột nóng (Tự bắt lửa)                            |  |
| 37 | BVPD063: Điều khoản về Sử dụng nhiệt và năng lượng  |  |
| 38 | BVPD065: Điều khoản về Chi phí hạn chế tổn thất   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 39 | BVPD066: Điều khoản về Di chuyển nội bộ   |  |
| 40 | BVPD069: Điều khoản về Lún và Sạt lở  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 41 | BVPD070: Điều khoản về Ngôi nhà cho thuê  |  |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 42 | BVPD071: Điều khoản về Tài sản cho thuê   |   |
| 43 | BVPD073: Điều khoản về Ổ và Chìa khóa   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                      |
| 44 | BVPD074: Điều khoản về Bảo hiểm hỏng hóc máy móc  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                      |
| 45 | BVPD075: Điều khoản về Các công việc xây dựng, cải tạo ở mức nhỏ  | 1.000.000.000 VND/Hợp đồng  |
| 46 | BVPD076: Điều khoản về Bảo hiểm Tiền tại cơ sở được bảo hiểm hoặc trên đường vận chuyển                           | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                       |
| 47 | BVPD078: Điều khoản về Tài sản mới bổ sung  | 10% số tiền bảo hiểm  |
| 48 | BVPD080: Điều khoản về Tài sản ở Ngoài địa điểm bảo hiểm  |   |
| 49 | BVPD083: Điều khoản về Công trình phụ ngoại vi  |   |
| 50 | BVPD084: Điều khoản về Tài sản ngoài trời   | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (Chi áp dụng rủi ro FLEXA)            |
| 51 | BVPD085: Điều khoản về Đồi và Bộ  |   |
| 52 | BVPD086: Điều khoản về Thanh toán bồi thường tạm ứng  | 50% tổn thất ước tính   |
| 53 | BVPD088: Điều khoản về Bảo hiểm Nứt vỡ kính tấm   | 5.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm. Mức khấu trừ: 2.000.000 VND/vụ) |
| 54 | BVPD089: Điều khoản về Thiết bị xách tay  | 500.000VND/hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ. Kê khai danh mục tài sản di động |
| 55 | BVPD090: Điều khoản về Địa điểm được bảo hiểm   |   |
| 56 | BVPD094: Điều khoản về Tài sản trong quá trình vận chuyển   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                      |
| 57 | BVPD095: Điều khoản về Tài sản thuộc quyền Kiểm soát, Quản lý, Trông nom của Người được bảo hiểm                  | Đã kê khai trong số tiền bảo hiểm   |
| 58 | BVPD098: Điều khoản về Bảo hiểm theo Giá trị khôi phục (chỉ áp dụng đối với hạng mục tòa nhà)                     |   |
| 59 | BVPD099: Điều khoản về Chi phí dọn dẹp hiện trường  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                      |
| 60 | BVPD101: Điều khoản về Giá trị thay thế (Chỉ áp dụng cho máy móc thiết bị dưới 5 tuổi tính tới ngày hiệu lực đơn) |   |
| 61 | BVPD102: Điều khoản về Khôi phục cảnh quan  | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (chỉ áp dụng rủi ro Flexa)            |



|    |   |   |
|----|---|---|
| 62 | BVPD103: Điều khoản về Dịch vụ  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 63 | BVPD104: Điều khoản về Tồn thất do khói   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 64 | BVPD105: Điều khoản về Sự tự bốc cháy   |   |
| 65 | BVPD106: Điều khoản bảo hiểm cho Nước rò rỉ từ hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler) | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 66 | BVPD109: Điều khoản về Đình công, Nổi loạn, Bạo động dân sự                                     | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 67 | BVPD110: Điều khoản về Chi phí kiện tụng và Chi phí lao động                                    | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 68 | BVPD111: Điều khoản về Di dời tạm thời  |   |
| 69 | BVPD112: Điều khoản về Chi phí sửa chữa tạm thời  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 70 | BVPD115: Điều khoản về Trộm cắp trong hoặc sau hỏa hoạn   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 71 | BVPD116: Điều khoản về Trộm hoặc cướp có sử dụng sức mạnh khí xâm nhập và tẩu thoát             | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 72 | BVPD117: Điều khoản về Điều chỉnh thời gian (72 giờ)  |   |
| 73 | BVPD121: Điều khoản về Chất hàng trên xe cơ giới/ trong container                               |   |

**Thông tin chi tiết phí bảo hiểm:**

| Các phần                    | Phí bảo hiểm       | Thuế              | Tổng số tiền       | Loại tiền  |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|------------|
| <b>Thiệt hại vật chất</b>   |                    |                   |                    | VND        |
| Phí theo thời hạn bảo hiểm: | 105.599.078        | 10.559.908        | 116.158.986        |            |
| <b>Tổng số:</b>             | <b>105.599.078</b> | <b>10.559.908</b> | <b>116.158.986</b> | <b>VND</b> |

**Điều khoản thanh toán phí bảo hiểm:**

| Hạn thanh toán        | Phí         | Thuế       | Số tiền thanh toán | Loại tiền |
|-----------------------|-------------|------------|--------------------|-----------|
| Trước ngày 19/11/2023 | 105.599.078 | 10.559.908 | 116.158.986        | VND       |

**Lưu ý**

Các điều kiện, điều khoản, quy tắc, cam kết, sửa đổi bổ sung, các giấy yêu cầu bảo hiểm, giấy yêu cầu sửa đổi bổ sung đính kèm là bộ phận cấu thành và không thể tách rời với đơn bảo hiểm này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Huy*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC MỞ RỘNG MỌI RỦI RO TÀI SẢN

Số: HĐ34/2023/HĐBH/TNH-BVTL REF:6541522

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.
- Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Quy tắc Bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 4257/QĐ-BHBV ngày 24/7/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên,

Hôm nay, ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA BẢO HIỂM: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN  
TNH**

Địa chỉ : Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0107219179

Điện thoại : (+84024) 730 99066

Tài khoản : 03101011668014 – Mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi  
nhánh Đống Đa

Đại diện : (Ông) Nguyễn Bá Luân

Chức vụ : Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Bên mua bảo hiểm**”)

VÀ

**BÊN BẢO HIỂM: CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG**

Địa chỉ : Tầng 6, tòa nhà ICON 4 số 243A đường Đê La Thành, Phường Láng  
Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



*(Handwritten signature)*

Mã số thuế : 0101527385-075

Điện thoại : 024.3.8.24.26.22

Tài khoản số : 0071085075009 – Mở tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Sở Giao dịch

Đại diện : (Ông) Nguyễn Văn Huy

Chức vụ : Giám đốc

*(Theo Giấy ủy quyền số: 4126/UQ-BHBV ngày 06 tháng 09 năm 2023 của ông Nguyễn Xuân Việt - Tổng Giám đốc, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt).*

(Sau đây gọi là “**Bên B**” hoặc “**Bên bảo hiểm**”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” tùy theo ngữ cảnh.

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, Hai Bên ký kết Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản này (“**Hợp Đồng**”) theo các điều kiện, điều khoản quy định cụ thể dưới đây:

## **ĐIỀU 1. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Hợp Đồng:** được hiểu là Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản, các tài liệu cấu thành và không tách rời của Hợp Đồng, bao gồm: Văn bản Hợp Đồng này và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có), Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Danh mục tài sản bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm kèm theo, Điều khoản sửa đổi, bổ sung và các tài liệu liên quan khác kèm theo.
- 1.2. **Bên bảo hiểm:** là Công ty Bảo Việt Thăng Long.
- 1.3. **Bên mua bảo hiểm:** được hiểu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNHH như được mô tả tại Hợp Đồng.
- 1.4. **Bên được bảo hiểm:** được hiểu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNHH như được mô tả tại Hợp Đồng.
- 1.5. **Người thứ ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác với Bên bảo hiểm, Bên được bảo hiểm.
- 1.6. **Sự kiện bảo hiểm:** được hiểu là những sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm mà khi xảy ra thì Bên bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho Người thụ hưởng hoặc bồi thường cho Bên được bảo hiểm.
- 1.7. **Quy tắc bảo hiểm:** Quy tắc Bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 4257/QĐ-BHBV ngày 24/7/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 1.8. **Người thụ hưởng:** được hiểu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNHH như được mô tả tại Hợp Đồng.

- 1.9. **Mức khấu trừ:** là số tiền tổn thất Bên A phải tự chịu trong mỗi và mọi sự cố xảy ra thuộc trách nhiệm bảo hiểm và được xác định sau khi áp dụng tất cả các điều kiện và điều khoản khác của Hợp Đồng bao gồm cả điều khoản về bồi thường theo tỷ lệ.

Trong trường hợp giá trị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhỏ hơn hoặc bằng mức khấu trừ thì Bên B không có nghĩa vụ bồi thường cho tổn thất này.

Trong trường hợp giá trị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm lớn hơn mức khấu trừ thì Bên B có nghĩa vụ trả phần giá trị vượt quá mức khấu trừ quy định.

- 1.10. **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên A phải đóng cho Bên B theo thời hạn và phương thức do các Bên thỏa thuận và quy định trong Hợp Đồng.
- 1.11. **Số tiền bảo hiểm (STBH):** là giá trị tài sản được bảo hiểm và/hoặc các chi phí khác theo yêu cầu của Bên A (nếu có) được Bên B chấp nhận bảo hiểm và là giới hạn trách nhiệm bồi thường tối đa của Bên B phải trả cho Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng và/hoặc Bên thứ ba trong trường hợp xảy ra Sự kiện bảo hiểm làm tổn thất, thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm.
- 1.12. Các khái niệm khác được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn, hoặc các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐƯỢC BẢO HIỂM**

### **2.1. Đối tượng bảo hiểm**

Bên B nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản (theo quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng), cho các hạng mục tài sản của Bên A theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

Chi tiết tài sản được bảo hiểm được mô tả theo Bảng danh mục tài sản đính kèm Hợp Đồng này.

### **2.2. Địa điểm được bảo hiểm**

Khách sạn SOJO Lào Cai - Đường An Dương Vương, đường Hồng Hà, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

## **ĐIỀU 3. LOẠI HÌNH BẢO HIỂM, PHẠM VI BẢO HIỂM, ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM, ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG**

### **3.1. Loại hình bảo hiểm**

Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản.

### **3.2. Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm**

Phạm vi, điều kiện bảo hiểm: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản đối với bất kỳ hạng mục tài sản nào thuộc đối tượng được bảo hiểm theo quy định tại Điều 2.1 Hợp Đồng này do sự kiện bảo hiểm gây ra trong thời hạn bảo hiểm và tại địa điểm được bảo hiểm, làm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất bất ngờ và không lường trước được, bởi những nguyên nhân không bị loại trừ theo:

- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.
- Quy tắc bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 4257/QĐ-BHBV ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo

hiểm Bảo Việt.

### 3.3. Các điều khoản sửa đổi bổ sung:

#### 3.2.1 Điều khoản chung

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ                         |
|-----|---|-------------------------------------|
| 1   | BVGE002: Điều khoản Loại trừ Bệnh truyền nhiễm – LMA5393  |                                     |
| 2   | BVGE003: Điều khoản Cấm vận thương mại quốc tế  |                                     |
| 3   | BVGE004: Điều khoản Khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm  |                                     |
| 4   | BVGE005: Điều khoản về Loại trừ Khủng bố  |                                     |
| 5   | BVGE006: Điều khoản cam kết trực bảo vệ 24 giờ  |                                     |
| 6   | BVGE007: Điều khoản cam kết tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy   |                                     |
| 7   | BVGE010: Điều khoản về Vi phạm các điều kiện hợp đồng   |                                     |
| 8   | BVGE011: Điều khoản về Vi phạm cam kết hợp đồng   |                                     |
| 9   | BVGE012: Điều khoản về Tiền tệ  |                                     |
| 10  | BVGE014: Điều khoản Quy định về Thông báo tổn thất  | 30 ngày                             |
| 11  | BVGE016: Điều khoản về Mô tả sai  |                                     |
| 12  | BVGE020: Điều khoản về Thông báo chấm dứt hợp đồng trong vòng 30 ngày   |                                     |
| 13  | BVGE022: Điều khoản Cam kết thanh toán phí bảo hiểm   |                                     |
| 14  | BVGE024: Điều khoản loại trừ đường dây truyền tải và phân phối điện   | 1 km tính từ biên địa điểm bảo hiểm |
| 15  | BVGE034: Điều khoản Loại trừ Rủi ro Dữ liệu và An ninh mạng - LMA 5401  |                                     |
| 16  | Điều khoản mở rộng bảo hiểm cho đường, vỉa hè, hạ tầng cơ sở trong khuôn viên được bảo hiểm (giới hạn: 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (Chỉ áp dụng rủi ro FLEXA) |                                     |
| 17  | Điều khoản về chi phí phụ phát sinh bao gồm cước vận chuyển đường hàng không (Giới hạn: 7.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm)                                     |                                     |
| 18  | Điều khoản về Va chạm với các phương tiện xe cơ giới  |                                     |
| 19  | Điều khoản về Hạng mục tòa nhà  |                                     |

#### 3.2.2 Thiệt hại vật chất



| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ  |
|-----|---|--|
| 1   | BVPD001: Điều khoản về Một phần tòa nhà/công trình xây dựng không hư hại bị bỏ đi                       |  |
| 2   | BVPD002: Điều khoản về Rò rỉ hay Chảy tràn bất ngờ  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                      |
| 3   | BVPD004: Điều khoản về Chi phí kế toán và Chi phí lập hồ sơ khiếu nại                                   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 4   | BVPD005: Điều khoản về Phá hủy theo lệnh của cơ quan công quyền   |  |
| 5   | BVPD009: Điều khoản về Bảo hiểm các tài sản khác  | 500.000 VND/hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ                       |
| 6   | BVPD011: Điều khoản về Thay đổi và Sửa chữa   | 1.000.000.000 VND/hợp đồng sửa chữa  |
| 7   | BVPD012: Điều khoản về Xác định giá trị tài sản   | 1.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                       |
| 8   | BVPD013: Điều khoản về Sử dụng Giám định độc lập  |  |
| 9   | BVPD014: Điều khoản về Chi phí cho Kiến trúc sư, Giám định viên, Chuyên gia tư vấn, Kỹ sư               | 10.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm                      |
| 10  | BVPD017: Điều khoản về Tự động mở rộng thời hạn bảo hiểm 30 ngày (Phí bảo hiểm bổ sung tính theo tỷ lệ) |  |
| 11  | BVPD018: Điều khoản về Tự động bảo hiểm cho Tài sản mới và/hoặc Tài sản bổ sung                         | 10% số tiền bảo hiểm   |
| 12  | BVPD019: Điều khoản về Tự động khôi phục Số tiền bảo hiểm   |  |
| 13  | BVPD020: Điều khoản quy định về xe ô tô   |  |
| 14  | BVPD022: Điều khoản Bảo hiểm dưới giá trị 85% (loại trừ hạng mục hàng hóa)                              |  |
| 15  | BVPD023: Điều khoản về Mái hiên, Mái che, Biển hiệu và các tài sản cố định bên ngoài khác               | 5.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (Chỉ áp dụng rủi ro FLEXA) |
| 16  | BVPD032: Điều khoản về Kiểm soát tài sản  |  |
| 17  | BVPD033: Điều khoản về Chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 18  | BVPD034: Điều khoản về Chi phí Phá hủy, Dọn dẹp, Bảo vệ tạm thời và Lắp đặt hàng rào                    | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 19  | BVPD035: Điều khoản về Chi phí soạn thảo lại dữ liệu và Chi phí lập hồ sơ khiếu nại                     | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 20  | BVPD036: Điều khoản về Chi phí tái lắp đặt  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |
| 21  | BVPD037: Điều khoản về Chi phí ghi chép lại dữ liệu   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                           |

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ  |
|-----|---|--|
| 22  | BVPD038: Điều khoản về Chi phí bảo vệ tạm thời  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 23  | BVPD039: Điều khoản về Hàng hóa của khách hàng  | 500.000 VND/hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ   |
| 24  | BVPD040: Điều khoản về Thuế   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm  |
| 25  | BVPD041: Điều khoản về Mô tả tài sản được bảo hiểm  |  |
| 26  | BVPD044: Điều khoản về Tài sản cá nhân của Giám đốc và Nhân viên                              | 500.000 VND/ hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ  |
| 27  | BVPD047: Điều khoản Thiết bị điện 4B  |  |
| 28  | BVPD049: Điều khoản về Bảo hiểm hỏng hóc thiết bị điện tử, máy tính và thiết bị xử lý dữ liệu | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 29  | BVPD050: Điều khoản về Sai sót  |  |
| 30  | BVPD051: Điều khoản về Trượt giá  | 20%  |
| 31  | BVPD053: Điều khoản về Chi phí phát sinh thêm   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 32  | BVPD056: Điều khoản về Bảo hiểm lòng trung thực của nhân viên                                 | 1.000.000.000 VND/vụ và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ. Kê khai danh sách nhân viên  |
| 33  | BVPD057: Điều khoản về Chi phí cho đội chữa cháy chuyên nghiệp                                | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 34  | BVPD058: Điều khoản về Chi phí chữa cháy  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 35  | BVPD059: Điều khoản về Trộm cắp đầy đủ (không sử dụng sức mạnh và bạo lực)                    | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm - Theo kết luận báo cáo điều tra của Công An về thiệt hại, nguyên nhân và thủ phạm |
| 36  | BVPD060: Điều khoản về Tồn thất do dòng điện đột nóng (Tự bắt lửa)                            |  |
| 37  | BVPD063: Điều khoản về Sử dụng nhiệt và năng lượng  |  |
| 38  | BVPD065: Điều khoản về Chi phí hạn chế tổn thất   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 39  | BVPD066: Điều khoản về Di chuyển nội bộ   |  |
| 40  | BVPD069: Điều khoản về Lún và Sạt lở  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm   |
| 41  | BVPD070: Điều khoản về Ngôi nhà cho thuê  |  |

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ  |
|-----|---|--|
| 42  | BVPD071: Điều khoản về Tài sản cho thuê   |  |
| 43  | BVPD073: Điều khoản về Ổ và Chìa khóa   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                       |
| 44  | BVPD074: Điều khoản về Bảo hiểm hỏng hóc máy móc  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                       |
| 45  | BVPD075: Điều khoản về Các công việc xây dựng, cải tạo ở mức nhỏ  | 1.000.000.000 VND/Hợp đồng   |
| 46  | BVPD076: Điều khoản về Bảo hiểm Tiền tại cơ sở được bảo hiểm hoặc trên đường vận chuyển                           | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm  |
| 47  | BVPD078: Điều khoản về Tài sản mới bổ sung  | 10% số tiền bảo hiểm   |
| 48  | BVPD080: Điều khoản về Tài sản ở Ngoài địa điểm bảo hiểm  |  |
| 49  | BVPD083: Điều khoản về Công trình phụ ngoại vi  |  |
| 50  | BVPD084: Điều khoản về Tài sản ngoài trời   | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (Chỉ áp dụng rủi ro FLEXA)             |
| 51  | BVPD085: Điều khoản về Đồi và Bộ  |  |
| 52  | BVPD086: Điều khoản về Thanh toán bồi thường tạm ứng  | 50% tổn thất ước tính  |
| 53  | BVPD088: Điều khoản về Bảo hiểm Nứt vỡ kính tấm   | 5.000.000.000 VND/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm. Mức khấu trừ: 2.000.000 VND/vụ)  |
| 54  | BVPD089: Điều khoản về Thiết bị xách tay  | 500.000 VND/hạng mục và 3.000.000.000 VND/tổng số vụ. kê khai danh mục tài sản di động |
| 55  | BVPD090: Điều khoản về Địa điểm được bảo hiểm   |  |
| 56  | BVPD094: Điều khoản về Tài sản trong quá trình vận chuyển   | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                       |
| 57  | BVPD095: Điều khoản về Tài sản thuộc quyền Kiểm soát, Quản lý, Trông nom của Người được bảo hiểm                  | Đã kê khai trong số tiền bảo hiểm  |
| 58  | BVPD098: Điều khoản về Bảo hiểm theo Giá trị khôi phục (chỉ áp dụng đối với hạng mục tòa nhà)                     |  |
| 59  | BVPD099: Điều khoản về Chi phí dọn dẹp hiện trường  | 10.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm                                       |
| 60  | BVPD101: Điều khoản về Giá trị thay thế (Chỉ áp dụng cho máy móc thiết bị dưới 5 tuổi tính tới ngày hiệu lực đơn) |  |
| 61  | BVPD102: Điều khoản về Khôi phục cảnh quan  | 3.000.000.000 VND/vụ và trong thời hạn bảo hiểm (chỉ áp dụng rủi ro FLEXA)             |

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ   |
|-----|---|---|
|     |   | ro Flexa)   |
| 62  | BVPD103: Điều khoản về Dịch vụ  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 63  | BVPD104: Điều khoản về Tồn thất do khói   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 64  | BVPD105: Điều khoản về Sự tự bốc cháy   |   |
| 65  | BVPD106: Điều khoản bảo hiểm cho Nước rò rỉ từ hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler) | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 66  | BVPD109: Điều khoản về Đình công, Nổi loạn, Bạo động dân sự                                     | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 67  | BVPD110: Điều khoản về Chi phí kiện tụng và Chi phí lao động                                    | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 68  | BVPD111: Điều khoản về Di dời tạm thời  |   |
| 69  | BVPD112: Điều khoản về Chi phí sửa chữa tạm thời  | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 70  | BVPD115: Điều khoản về Trộm cắp trong hoặc sau hỏa hoạn   | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 71  | BVPD116: Điều khoản về Trộm hoặc cướp có sử dụng sức mạnh khi xâm nhập và tẩu thoát             | 10.000.000.000 VND/vụ<br>và trong thời hạn bảo hiểm |
| 72  | BVPD117: Điều khoản về Điều chỉnh thời gian (72 giờ)  |   |
| 73  | BVPD121: Điều khoản về Chất hàng trên xe cơ giới/ trong container                               |   |

#### ĐIỀU 4. SỐ TIỀN BẢO HIỂM, PHÍ BẢO HIỂM VÀ MỨC KHẤU TRỪ

##### 4.1. Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm: **175.998.463.989 VND** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng).

##### 4.2. Phí bảo hiểm

Tỷ lệ phí bảo hiểm kỳ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) : 0,05%

Phí bảo hiểm kỳ (chưa bao gồm VAT) : **105.599.078 VND**

Thuế VAT (10%) : **10.559.908 VND**

**Tổng phí bảo hiểm kỳ (đã bao gồm VAT) : 116.158.986 VND**

*(Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, một trăm năm tám nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).*

**Phí bảo hiểm trên đã bao gồm:**

- Phí bảo hiểm đã bao gồm thuế giá trị gia tăng;
- Phí bảo hiểm cho toàn bộ tài sản được bảo hiểm;
- Toàn bộ các chi phí cần thiết khác để Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định Hợp đồng này.

#### **4.3. Mức khấu trừ**

- 4.3.1. Mức khấu trừ đối với rủi ro cháy nổ, thiệt hại do nước: 60.000.000 VND/vụ tổn thất.
- 4.3.2. Mức khấu trừ đối với rủi ro kính vỡ: 2.000.000 VND/vụ tổn thất.
- 4.3.3. Mức khấu trừ đối với rủi ro khác: 10.000.000 VND/vụ tổn thất.

### **ĐIỀU 5. THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM**

#### **5.1. Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B như sau:

Phí bảo hiểm sẽ do Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên B với thông tin chi tiết như sau:

Chủ tài khoản : Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Số tài khoản : 011.0101.0366.999

Tại : Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Hội sở chính

#### **5.2. Thời hạn thanh toán:**

- 5.2.1. Bên A cam kết sẽ thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm cho Bên B với số tiền: **116.158.986 VND** *(Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, một trăm năm tám nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng)* trước ngày 19 tháng 11 năm 2023.

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- (i) Thông báo thu phí bảo hiểm của Bên B: 01 bản gốc.
- (ii) Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng với giá trị được thanh toán: 01 bản gốc.
- (iii) Giấy chứng nhận bảo hiểm: 01 bản gốc.
- (iv) Hợp Đồng đã ký hợp lệ: 01 bản gốc.

Bên B có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày hết hạn thanh toán

- 5.2.2. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ Lễ/Tết *(theo quy định của pháp luật và/hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)* thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc cuối cùng trước kỳ nghỉ.

- 5.2.3. Trường hợp Hợp Đồng đang có hiệu lực và phí bảo hiểm chưa đến hạn thanh toán mà tổn thất, thiệt hại xảy ra thì Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số phí bảo hiểm cho Bên B trước khi Bên B giải quyết bồi thường hoặc theo thời hạn thanh toán nêu tại Điều 5.2.1 của Hợp Đồng này, tùy theo thời điểm nào đến trước.

- 5.2.4. Trong trường hợp hết thời hạn nộp phí theo quy định tại Điều 5.2.1 của Hợp Đồng này, Bên A không thanh toán phí bảo hiểm hoặc thanh toán phí bảo hiểm không đầy đủ cho Bên B theo Thông báo thu phí bảo hiểm của Bên B thì Hợp Đồng tự động chấm dứt kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp trước đó Bên A có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và có bảo lãnh thanh toán Phí bảo hiểm của Ngân hàng hoặc tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh. Trong trường hợp Hợp Đồng chấm dứt, Bên B được hưởng phí bảo hiểm tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.
- 5.2.5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hợp Đồng đã chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 5.2.4 của Hợp Đồng này, nếu Bên A thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm và yêu cầu tiếp tục được bảo hiểm cho đối tượng bảo hiểm của mình, thì Hợp Đồng sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên A nộp đủ phí bảo hiểm.

## **ĐIỀU 6. THỜI HẠN BẢO HIỂM VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 6.1. Thời hạn bảo hiểm: Bên B nhận bảo hiểm cho Bên A theo phạm vi bảo hiểm kể từ **00:00 ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến 23:59 ngày 31 tháng 12 năm 2024 (438 ngày)**.
- 6.2. Hiệu lực Hợp Đồng: Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu Hợp đồng.
- 6.3. Chấm dứt Hợp Đồng: Hợp Đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:
- 6.3.1. Hết thời hạn bảo hiểm theo quy định tại Điều 6.1 của Hợp Đồng này.
- 6.3.2. Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Điều 5.2.4 của Hợp Đồng;
- 6.3.3. Quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản của Bên A đối với toàn bộ hoặc một phần tài sản bảo hiểm bị chuyển cho bên khác.
- 6.3.4. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của Hai Bên sẽ được giải quyết theo văn bản thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng;
- 6.3.5. Các trường hợp khác chấm dứt Hợp Đồng theo quy định của pháp luật.
- 6.4. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng.
- 6.4.1. Bên B được quyền thu phí bảo hiểm phát sinh tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng vì bất cứ lý do nào, trừ trường hợp pháp luật quy định khác;
- 6.4.2. Bên B có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm trên cơ sở phí bảo hiểm đã được Bên A nộp đầy đủ, đúng hạn trừ đi phí bảo hiểm tương ứng với thời gian đã được bảo hiểm và các chi phí hợp lý có liên quan đến Hợp Đồng này với điều kiện Bên B chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường tính đến thời điểm chấm dứt hiệu lực bảo hiểm.
- 6.5. Khôi phục hiệu lực Hợp Đồng.
- 6.5.1. Trường hợp Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 5.2.4 của Hợp Đồng, hiệu lực Hợp Đồng sẽ được khôi phục theo Điều 5.2.5 của Hợp Đồng.
- 6.5.2. Trường hợp hiệu lực của Hợp Đồng bị chấm dứt theo Điều 6.3.3, Điều 6.3.4 của Hợp Đồng, việc khôi phục hiệu lực Hợp Đồng (nếu có) sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên.

Trường hợp các Bên thống nhất không khôi phục hiệu lực Hợp Đồng khi phát sinh sự kiện gây chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 6.3.3 của Hợp Đồng này, Bên B

sẽ hoàn trả phí bảo hiểm tương ứng đối với tài sản không còn thuộc quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản của Bên A tính trên thời gian hiệu lực còn lại của Hợp Đồng mà Bên A chưa được hưởng bảo hiểm.

- 6.6. Việc chấm dứt Hợp Đồng này vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 7. GIÁM ĐỊNH TỖN THẤT**

- 7.1. Trong trường hợp xảy ra tổn thất liên quan đến đối tượng được bảo hiểm, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng điện thoại và/ hoặc email tới các thông tin liên hệ quy định tại Điều 7.1.1 và Điều 7.1.2 trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tổn thất, và sau đó phải có văn bản thông báo cho Bên B chậm nhất không quá 14 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất.

Thông tin liên hệ của Bên B như sau:

### **Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt**

- 7.1.1. Đường dây nóng 24/24: 1900558899

- 7.1.2. Điện thoại và email cán bộ phụ trách: 0904001115

Email: phamthithanhmai@baoviet.com.vn.

- 7.1.3. Trường hợp Bên A chứng minh được rằng Bên A không biết được chính xác thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm/tổn thất thì thời hạn quy định tại Điều khoản này sẽ tính từ ngày Bên A biết được việc xảy ra sự kiện bảo hiểm/tổn thất đó.

- 7.1.4. Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Bên A không liên hệ được với các số điện thoại hoặc/ và không gửi được email thành công theo thông tin ghi nhận tại Điều 7.1.1 và 7.1.2 của Hợp Đồng, Bên A sẽ được miễn toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thông báo cho Bên B trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tổn thất.

- 7.2. Để làm rõ, các Bên xác nhận rằng, Bên A và/hoặc Đơn vị quản lý vận hành tòa nhà tại địa điểm được bảo hiểm hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác được Bên A chỉ định bằng văn bản đều có quyền thay mặt cho Bên A gửi thông báo tổn thất cho Bên B.

- 7.3. Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A bằng điện thoại và /hoặc email từ Bên A, hoặc một thời gian khác ngắn hơn theo Thông báo của Bên A, người đại diện của Bên B và/hoặc giám định viên của Bên B và/hoặc giám định viên của đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định phải có mặt tại hiện trường để phối hợp với Bên A và các bên có liên quan để giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất làm cơ sở cho việc bồi thường thiệt hại và giải quyết khiếu nại. Toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập do Bên B chịu và chi phí này không được trừ vào số tiền bồi thường.

- 7.4. Nếu quá thời hạn trên mà người đại diện của Bên B và/hoặc giám định viên của Bên B và/hoặc giám định viên của đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định không có mặt tại hiện trường để giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất thì Bên B phải chấp nhận hiện trường và Biên bản giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất do Bên A hoặc Chính quyền địa phương hoặc Cơ quan Công an nơi xảy ra sự cố hoặc người chứng kiến lập để làm cơ sở bồi thường thiệt hại và giải quyết khiếu nại.

- 7.5. Trường hợp Bên A thống nhất với nguyên nhân và mức độ thiệt hại theo kết luận giám

định mà Bên B hoặc Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định đưa ra thì mức độ tổn thất đó được lấy làm cơ sở để Bên B bồi thường bảo hiểm.

- 7.6. Trường hợp Hai Bên không thống nhất được nguyên nhân, mức độ thiệt hại theo kết luận giám định do Bên B hoặc công ty giám định được Bên B chỉ định đưa ra thì Hai Bên có thể thỏa thuận chỉ định một công ty giám định khác để xác định về mức độ thiệt hại. Kết quả giám định mức độ tổn thất do Đơn vị giám định độc lập được Hai Bên thống nhất chỉ định sẽ là cơ sở để giải quyết bồi thường bảo hiểm. Trường hợp Hai Bên không thống nhất chỉ định được Đơn vị giám định độc lập chung theo quy định nêu trên thì việc chỉ định Đơn vị giám định độc lập sẽ do Bên A thực hiện.
- 7.7. Trong trường hợp nêu tại Điều 7.6 của Hợp Đồng, nếu kết quả giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất của Đơn vị giám định độc lập do Hai Bên lựa chọn hoặc Bên A chỉ định khác kết quả của Bên B hoặc Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định kết luận thì Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập này. Trường hợp nếu kết quả giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất của Đơn vị giám định độc lập trùng với kết quả của Bên B hoặc Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định kết luận thì Bên A sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập này.
- 7.8. Bên A thực hiện mọi biện pháp trong khả năng của mình để hạn chế tổn thất thấp nhất, hỗ trợ người đại diện hay giám định viên của Bên B hoặc giám định viên của Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định và cung cấp thông tin, chứng từ, hoá đơn... hợp lý, hợp lệ theo quy định pháp luật để xác định tính chất, mức độ và nguyên nhân tổn thất.

## **ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG**

### **8.1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường**

Hồ sơ yêu cầu bồi thường gồm **01 bản** với các tài liệu sau:

- 8.1.1. Văn bản yêu cầu bồi thường của Bên A: bản gốc;
- 8.1.2. Thông báo tổn thất (nêu rõ đối tượng bị tổn thất, đánh giá sơ bộ về nguyên nhân và mức độ tổn thất): bản gốc;
- 8.1.3. Báo cáo giám định cuối cùng (do công ty giám định được lựa chọn theo quy định tại Điều 7 Hợp Đồng này lập) hoặc biên bản xác nhận hiện trường được lập theo quy định tại Hợp Đồng: bản gốc;
- 8.1.4. Quy tắc bảo hiểm áp dụng, Hợp Đồng: bản sao;
- 8.1.5. Chứng từ thanh toán phí bảo hiểm: bản sao;
- 8.1.6. Các tài liệu, hóa đơn, chứng từ thể hiện mức độ tổn thất, chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố: bản gốc;
- 8.1.7. Các văn bản chứng từ liên quan khác phù hợp quy định pháp luật theo yêu cầu hợp lý và hợp lệ đã được Bên A chấp thuận của Giám định viên / Đại diện Bên B phục vụ việc xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất của sự cố: bản sao
- 8.1.8. Kết luận của cơ quan Phòng cháy chữa cháy địa phương có thẩm quyền về nguyên nhân tổn thất (nếu có): bản sao;
- 8.1.9. Văn bản thể quyền và các tài liệu liên quan hợp lý và phù hợp với quy định pháp luật (nếu có) nhằm phục vụ việc truy đòi trách nhiệm người thứ ba nếu có lỗi của bên thứ ba



trong việc gây ra tổn thất: bản gốc;

8.1.10. Các văn bản chứng từ liên quan khác theo quy định của pháp luật (được Bên A chấp nhận): bản sao.

8.2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ, dựa trên mức độ thiệt hại theo kết luận giám định của công ty giám định được chỉ định, Bên B sẽ thông báo cho Bên A mức tiền bồi thường cho tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A xác nhận đồng ý về số tiền được bồi thường, toàn bộ số tiền bồi thường sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A.

8.3. Nếu vụ tổn thất phức tạp mà thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì Bên B phải tạm ứng trước tối đa 50% số tiền bồi thường tạm tính trước khi hoàn tất thủ tục khiếu nại cho Bên A để nhanh chóng ổn định sản xuất, kinh doanh. Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày có báo cáo sơ bộ về tổn thất từ Công ty Giám định (nếu có) hoặc kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ đề xuất tạm ứng của Bên A, tùy thời điểm nào xảy ra trước. Để làm rõ, hồ sơ đề xuất tạm ứng gồm có:

8.3.1. Thư đề xuất tạm ứng: 01 bản gốc;

8.3.2. Danh mục tài sản tổn thất: 01 bản gốc.

8.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết lý do từ chối trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm. Để làm rõ, Bên B không được từ chối bồi thường với lý do hồ sơ chưa đầy đủ. Trường hợp này Bên B phải hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ cùng với Bên A thu thập đầy đủ hồ sơ cần thiết hoặc có phương án nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Bên A.

8.5. Đồng tiền thanh toán: Khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Bên B, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật, Bên B sẽ chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng Đồng Việt Nam.

8.6. Phương thức thanh toán, tạm ứng tiền bồi thường: chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

8.7. Trong trường hợp Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường, tiền tạm ứng bồi thường, hoặc các nghĩa vụ tài chính khác thì phải trả lãi chậm trả cho Bên A theo mức lãi suất được tính bằng 10%/năm tính trên số ngày và số tiền chậm thanh toán.

## **ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **9.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A**

9.1.1. Tạo điều kiện hỗ trợ Bên B hoặc đại diện Bên B tiến hành khảo sát đánh giá đối tượng bảo hiểm trước khi bảo hiểm và trong thời gian bảo hiểm;

9.1.2. Thực hiện đầy đủ công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh công nghiệp theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

9.1.3. Thông báo ngay lập tức cho Bên B những dấu hiệu có thể làm tăng khả năng xảy ra rủi ro của đối tượng bảo hiểm mà trong khả năng của Bên A có thể phát hiện được;

9.1.4. Khi tổn thất xảy ra, báo ngay cho cơ quan chức năng liên quan, Cảnh sát Phòng cháy

chữa cháy, Công an... đến cứu chữa kịp thời và lập biên bản, bảo vệ hiện trường tổn thất đồng thời thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đề phòng và hạn chế tổn thất;

- 9.1.5. Phối hợp với Bên B trong việc giải quyết tổn thất và trong trường hợp cần thiết có thể ủy quyền cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B cùng với Bên A thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tổn thất;
- 9.1.6. Trường hợp thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm do bên thứ ba gây ra, Bên A có trách nhiệm báo ngay cho Bên B và làm các thủ tục pháp lý cần thiết để bảo lưu quyền khiếu nại đòi bên thứ ba của Bên B;
- 9.1.7. Hoàn tất các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới tổn thất làm cơ sở để giải quyết bồi thường theo quy định của Hợp Đồng;
- 9.1.8. Thông báo bằng văn bản cho Bên B phương án và dự toán khắc phục tổn thất trước khi thực hiện công tác khắc phục.
- 9.1.9. Bên A có quyền ủy quyền cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B tham gia với Bên A để cùng làm việc với các bên liên quan để giải quyết tổn thất.

## **9.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B**

- 9.2.1. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về việc đáp ứng, đạt được mọi điều kiện, Giấy phép, chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và phê duyệt nội bộ để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ cung cấp cho Bên A bản sao chứng thực các tài liệu nói trên nếu Bên A có yêu cầu Bên B cung cấp.
- 9.2.2. Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp Đồng và các quy định pháp luật có liên quan.
- 9.2.3. Đánh giá rủi ro được bảo hiểm và tư vấn cho Bên A các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất.
- 9.2.4. Hướng dẫn và phối hợp với Bên A để cùng xử lý khắc phục sự cố. Việc hướng dẫn phối hợp giải quyết sự cố này không hàm ý sự cố thuộc trách nhiệm bảo hiểm, mà việc sự cố có thuộc trách nhiệm bảo hiểm hay không sẽ được kết luận sau khi giám định, phân tích nguyên nhân, và kết luận của Giám định viên độc lập/cơ quan chức năng.
- 9.2.5. Trong trường hợp được Bên A ủy quyền, thay mặt Bên A hoặc cùng với Bên A thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tổn thất.
- 9.2.6. Gửi hồ sơ thanh toán phí bảo hiểm cho Bên A đúng hạn.
- 9.2.7. Thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo quy định của Hợp Đồng và quy định của pháp luật liên quan.
- 9.2.8. Đánh giá rủi ro được bảo hiểm và tư vấn cho Bên A các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất.
- 9.2.9. Chịu trách nhiệm với các khảo sát đánh giá đối tượng bảo hiểm trước khi tiến hành ký Hợp Đồng.
- 9.2.10. Nếu tổn thất phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, phải hướng dẫn Bên A thu thập đầy đủ bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường.

## **ĐIỀU 10. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN**

- 10.1. Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là “Người Của Bên A” và “Người Của Bên B”) sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giảm giá, trích thưởng, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp Đồng (“Gian Lận”), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp Đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.
- 10.2. Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: [thanhtra@tng-holdings.vn](mailto:thanhtra@tng-holdings.vn).
- 10.3. Trường hợp Bên A phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên B có hành vi Gian Lận, thì Bên A có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp Đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên B và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên A có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên A một khoản tiền có giá trị bằng 10 (mười) lần số tiền Gian Lận do Bên A xác định, hoặc 30% (ba mươi phần trăm) Phí Bảo hiểm theo quy định của Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên A tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên B vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên B. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.
- 10.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện/không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa hai Bên theo Hợp Đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa Hai Bên phát sinh từ Hợp Đồng này, và/hoặc kết hợp cả 02 hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên A.

## ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 11.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều quy định trong Hợp Đồng. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.
- 11.2. Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật của Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hai Bên nếu không được đề cập trong Hợp Đồng này thì sẽ được dẫn chiếu theo các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 11.3. Khi có quy định khác biệt giữa Hợp Đồng này, các tài liệu của Hợp Đồng và các Quy tắc bảo hiểm do Bên B ban hành và pháp luật có liên quan thì lựa chọn áp dụng quy định nào có lợi hơn cho Bên được Bảo hiểm, trừ trường hợp việc áp dụng quy định đó

vi phạm điều cấm của pháp luật.

- 11.4. Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp Đồng này phải được Hai Bên ký kết bằng văn bản và là một bộ phận không thể tách rời Hợp Đồng.
- 11.5. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định/bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp bao gồm nhưng không giới hạn: án phí, chi phí tố tụng, chi phí luật sư sẽ do Bên thua kiện chịu.
- 11.6. Hợp Đồng lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để cùng thực hiện.

Để làm bằng, Các Bên của Hợp Đồng chấp thuận và cùng ký tên, đóng dấu dưới đây:



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Bá Luân*



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Huy*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CÔNG CỘNG

Số: HD13/2023/BHTNCC/TNH-BVTL REF: 6541563

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành theo ban hành theo Quyết định số: 2302/QĐ-BHBV ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên,

Hôm nay, ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA BẢO HIỂM: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH**

Địa chỉ : Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0107219179

Điện thoại : (+84024) 730 99066

Tài khoản số : 03101011668014 – Mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa

Đại diện : (Ông) Nguyễn Bá Luân

Chức vụ : Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Bên mua bảo hiểm**”)

**VÀ**

**BÊN BẢO HIỂM: CÔNG TY BẢO VIỆT THĂNG LONG**

Địa chỉ : Tầng 6, tòa nhà ICON 4 số 243A đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0101527385-075

Điện thoại : 024.3.8.24.26.22

Tài khoản số : 0071085075009– Mở tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Sở Giao dịch



*Handwritten signature*

Đại diện : (Ông) Nguyễn Văn Huy

Chức vụ : Giám đốc

*(Theo Giấy ủy quyền số: 4126 /UQ-BHBV ngày 06 tháng 09 năm 2023 của ông Nguyễn Xuân Việt - Tổng Giám đốc, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty bảo hiểm Bảo Việt).*

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**Bên bảo hiểm**”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” tùy theo ngữ cảnh.

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, Hai Bên ký kết Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng này (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) với các điều khoản, điều kiện như sau:

## **ĐIỀU 1. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Hợp Đồng:** được hiểu là Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng này. Các tài liệu cấu thành và không tách rời của Hợp Đồng bao gồm: văn bản Hợp Đồng này và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có), Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Bảng danh mục bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm kèm theo, Điều khoản sửa đổi, bổ sung và các tài liệu liên quan khác kèm theo.
- 1.2. **Bên bảo hiểm:** được hiểu là **Công ty Bảo Việt Thăng Long**.
- 1.3. **Bên được bảo hiểm:** được hiểu là **Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNH**.
- 1.4. **Người thứ ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác với Người bảo hiểm, Người được bảo hiểm, và là đối tượng trực tiếp bị tổn thất trong sự kiện bảo hiểm.
- 1.5. **Sự kiện bảo hiểm:** được hiểu là những sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm mà khi xảy ra thì người bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho Người thụ hưởng hoặc bồi thường cho Bên được bảo hiểm.
- 1.6. **Quy tắc bảo hiểm:** được hiểu là Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành theo ban hành theo Quyết định số: 2302/QĐ-BHBV ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 1.7. **Người thụ hưởng:** được hiểu là **Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNH**.
- 1.8. **Mức khấu trừ:** là số tiền tổn thất Bên A phải tự chịu trong mỗi và mọi sự cố xảy ra thuộc trách nhiệm bảo hiểm và được xác định sau khi áp dụng tất cả các điều kiện và điều khoản khác của Hợp Đồng bao gồm cả điều khoản về bồi thường theo tỷ lệ.  
Trong trường hợp giá trị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhỏ hơn hoặc bằng mức khấu trừ thì Bên B không có nghĩa vụ bồi thường cho tổn thất này.  
Trong trường hợp giá trị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm lớn hơn mức khấu trừ thì Bên B có nghĩa vụ trả phần giá trị vượt quá mức khấu trừ quy định.
- 1.9. **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên A phải đóng cho Bên B theo thời hạn và phương thức do các Bên thỏa thuận và quy định trong Hợp Đồng.
- 1.10. **Giới hạn trách nhiệm:** là hạn mức trách nhiệm bồi thường tối đa của Bên bảo hiểm đối với mỗi và mọi sự cố xảy ra trong suốt thời hạn bảo hiểm, được quy định trong Hợp Đồng và Giấy

chứng nhận bảo hiểm.

- 1.11. Các khái niệm khác được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn, hoặc các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM**

- 2.1. Đối tượng bảo hiểm: Là trách nhiệm dân sự của Bên A phải bồi thường cho người thứ ba đối với các thiệt hại về tài sản, tính mạng và sức khỏe của người thứ ba phát sinh tại địa điểm bảo hiểm và phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A được quy định tại Hợp Đồng.
- 2.2. Hoạt động kinh doanh của Bên A: Là các hoạt động kinh doanh được Bên A đăng ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 2.3. Phạm vi địa lý: Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 2.4. Luật áp dụng: Pháp luật nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## **ĐIỀU 3. PHẠM VI BẢO HIỂM**

- 3.1. Bên B nhận bảo hiểm cho Bên A theo Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành theo Quyết định 2302/QĐ-BHBV ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và pháp luật liên quan với các rủi ro:
  - 3.1.1. Toàn bộ số tiền mà Bên A có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối với:
    - a. Tử vong hoặc thương tật hoặc ốm đau/bệnh tật bất ngờ đối với bất cứ người thứ ba nào phát sinh tại địa điểm bảo hiểm và phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A trong thời hạn bảo hiểm;
    - b. Tồn thất, tổn hại bất ngờ đối với tài sản của người thứ ba phát sinh tại địa điểm bảo hiểm và phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A trong thời hạn bảo hiểm.
  - 3.1.2. Toàn bộ phí tổn và chi phí kiện tụng mà Bên A:
    - a. Phải trả cho bất cứ chi phí phát sinh từ việc khởi kiện và/hoặc khiếu nại nào, bao gồm nhưng không giới hạn: phí và lệ phí Tòa án, án phí, phí Trọng tài, phí luật sư tham gia vụ kiện bảo vệ quyền lợi của Bên A tại cơ quan tài phán;
    - b. Đã chi trả với sự đồng ý của Bên B về bất kỳ khiếu nại nào đòi Bên A bồi thường thuộc phạm vi bảo hiểm quy định tại Hợp Đồng.
- 3.2. Quy định về phạm vi bảo hiểm tại Hợp Đồng sẽ được ưu tiên áp dụng, trong trường hợp Hợp Đồng chưa quy định thì áp dụng quy định tại Quy tắc bảo hiểm.

## **ĐIỀU 4. ĐỊA ĐIỂM BẢO HIỂM**

Khách sạn SOJO Lào Cai – Đường An Dương Vương, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

## **ĐIỀU 5. THỜI HẠN BẢO HIỂM**

Bên B nhận bảo hiểm cho Bên A theo phạm vi bảo hiểm kể từ 00 giờ 00 phút ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến 23 giờ 59 phút ngày 31 tháng 12 năm 2024 (438 ngày).

## **ĐIỀU 6. GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM, PHÍ BẢO HIỂM VÀ MỨC KHẤU TRỪ**

6.1. **Giới hạn trách nhiệm: 20.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*)/vụ tổn thất và cho tổng số vụ phát sinh trong thời hạn bảo hiểm.

6.2. **Phí bảo hiểm**

Tỷ lệ phí bảo hiểm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) : 0,03%

Phí bảo hiểm (chưa bao gồm VAT) : 7,200,000 đồng

Thuế VAT (10%) : 720,000 đồng

**Tổng phí bảo hiểm kỳ (đã bao gồm VAT) : 7,920,000 đồng**

(*Bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

**Phí bảo hiểm trên đã bao gồm:**

- Thuế giá trị gia tăng;
- Toàn bộ các chi phí cần thiết khác để Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng này.

6.3. **Mức khấu trừ: 5.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*)/vụ tổn thất.

**ĐIỀU 7. THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM**

7.1. Bên A cam kết sẽ thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm cho Bên B số tiền: **7,920,000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*) trước ngày 19 tháng 11 năm 2023.

7.2. Phí bảo hiểm sẽ do Bên A thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên B với thông tin chi tiết như sau:

Chủ tài khoản: Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Số tài khoản: 011.0101.0366.999

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Hội sở chính

7.3. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- a. Thông báo thu phí bảo hiểm của Bên B: 01 bản gốc.
- b. Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng với giá trị được thanh toán: 01 bản gốc.
- c. Giấy chứng nhận bảo hiểm: 01 bản gốc.
- d. Hợp Đồng đã ký hợp lệ: 01 bản gốc.

7.4. Bên B có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày hết hạn thanh toán. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ Lễ/Tết (*theo quy định của pháp luật và theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*) thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc cuối cùng trước kỳ nghỉ.

7.5. Trường hợp Hợp Đồng đang có hiệu lực và phí bảo hiểm chưa đến hạn thanh toán mà tổn thất xảy ra thì Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số phí bảo hiểm cho Bên B trước khi Bên B giải quyết bồi thường hoặc theo thời hạn thanh toán nêu tại Điều 7.1 của Hợp Đồng này tùy theo thời điểm nào đến trước.

7.6. Trong trường hợp hết thời hạn thanh toán phí theo quy định tại Điều 7.1 của Hợp Đồng này, Bên A không thanh toán phí bảo hiểm hoặc thanh toán phí bảo hiểm không đầy đủ cho Bên B theo thông báo thu phí của Bên B thì Hợp Đồng tự động chấm dứt kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải thanh toán phí, trừ trường hợp trước đó Bên A có văn bản đề nghị gia hạn nộp phí và



có bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm của Ngân hàng hoặc tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh. Bên B được hưởng phí bảo hiểm tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.

- 7.7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hợp Đồng đã chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 7.6 Hợp Đồng này, nếu Bên A thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm và yêu cầu tiếp tục được bảo hiểm cho đối tượng bảo hiểm của mình, thì Hợp Đồng sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên A nộp đủ phí bảo hiểm.

## **ĐIỀU 8. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM, ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM**

### **8.1. Điều kiện bảo hiểm:**

Theo Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng ban hành theo Quyết định 2302/QĐ-BHBV ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (đính kèm và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này) và các điều khoản sửa đổi bổ sung tại Điều 8.2 sau đây.

### **8.2. Điều khoản sửa đổi bổ sung:**

| STT | Điều khoản bổ sung  | Hạn mức phụ   |
|-----|---|---|
| 1   | BVGE001: Điều khoản hủy hợp đồng thông báo trong vòng 30 ngày   |   |
| 2   | BVGE003: Điều khoản thỏa thuận về Công ty tính toán và phân bổ tổn thất                               |   |
| 3   | BVGE006: Điều khoản tự động tái tục (Giới hạn 30 ngày)  |   |
| 4   | BVGE011: Thỏa thuận loại trừ bảo hiểm tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính |   |
| 5   | BVGE019: Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng  | 50% tổn thất ước tính   |
| 6   | BVGE023: Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố  |   |
| 7   | BVGE026: Điều khoản cấm vận thương mại quốc tế  |   |
| 8   | BVGE032: Điều khoản loại trừ Bệnh truyền nhiễm – LMA5396  |   |
| 9   | BVGE033: Điều khoản Khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm  |   |
| 10  | PBL02: Điều khoản thay thế và sửa chữa  | (áp dụng cho hợp đồng có giá trị xây dựng dưới 500.000.000 VND) |
| 11  | PBL03: Điều khoản mở rộng gia tăng trách nhiệm xe cơ giới   | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                             |
| 12  | PBL04: Điều khoản trách nhiệm bãi đỗ xe   | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                             |
| 13  | PBL08: Điều khoản trách nhiệm chéo  |   |

|    |  |  |
|----|--|--|
| 14 | PBL10: Điều khoản đồ ăn, thức uống bị nhiễm độc  | 2.000.000.000VND/ vụ và tổng số vụ                 |
| 15 | PBL13: Điều khoản chi phí y tế khẩn cấp  | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 16 | PBL22: Điều khoản trách nhiệm thang máy  | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 17 | PBL23: Điều khoản mở rộng về bốc xếp và dỡ hàng  | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 18 | PBL24: Điều khoản trách nhiệm với bảng hiệu đèn neon, bảng hiệu quảng cáo  | 2.000.000.000 VND/vụ và tổng số vụ                 |
| 19 | PBL25: Điều khoản máy móc và thiết bị  | VND 500.000.000/vụ và VND 2.000.000.000 tổng số vụ |
| 20 | PBL29: Điều khoản rò rỉ hệ thống chữa cháy tự động   | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 21 | PBL30. Điều khoản ô nhiễm ngẫu nhiên và bất ngờ  |  |
| 22 | PBL31. Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm của người thuê nhà  | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 23 | PBL32: Điều khoản từ bỏ thế quyền  |  |
| 24 | PBL33: Điều khoản về trách nhiệm phát sinh từ công việc của đội cứu hỏa  | 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ                |
| 25 | Điều khoản Bể bơi (Giới hạn: 2.000.000.000 VND/ vụ và tổng số vụ - Cam kết có nhân viên cứu hộ được đào tạo và trực trong giờ hoạt động của bể bơi.) |  |
| 26 | Điều khoản về Di dời nội bộ  |  |

## ĐIỀU 9. GIÁM ĐỊNH TỔN THẤT

9.1. Trường hợp có tổn thất (thuộc trách nhiệm bồi thường của Hợp Đồng này), Bên A phải thông báo ngay bằng điện thoại cho Bên B trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tổn thất theo thông tin liên hệ như sau:

**Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt**

Đường dây nóng 24/24: 1900558899 -0904001115

Email: [phamthithanhmai@baoviet.com.vn](mailto:phamthithanhmai@baoviet.com.vn)

Trong trường hợp xảy ra tổn thất Bên A không liên hệ được với các số điện thoại tại Điều 9.1 Hợp Đồng, Bên A sẽ được miễn toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến việc thông báo cho Bên B trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tổn thất.

9.2. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B.

Trường hợp Bên A chứng minh được rằng Bên A không biết được chính xác thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm/tồn thất thì thời hạn quy định tại Điều 9.1 và 9.2 này sẽ tính từ ngày Bên A biết được việc xảy ra sự kiện bảo hiểm/tồn thất đó.

- 9.3. Để làm rõ, Các Bên xác nhận rằng, Bên A và/hoặc Đơn vị quản lý vận hành tòa nhà tại địa điểm được bảo hiểm hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác được Bên A chỉ định bằng văn bản đều có quyền thay mặt cho Bên A gửi thông báo tổn thất cho Bên B.
- 9.4. Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A bằng điện thoại hoặc một thời gian khác ngắn hơn theo Thông báo của Bên A, người đại diện của Bên B và/hoặc Giám định viên của Bên B và/hoặc Giám định viên của đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định phải có mặt tại hiện trường để phối hợp với Bên A, các bên có liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất làm cơ sở cho việc bồi thường thiệt hại và giải quyết khiếu nại. Toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập do Bên B chịu và chi phí này không được trừ vào số tiền bồi thường.
- 9.5. Nếu quá thời hạn trên mà người đại diện của Bên B và/hoặc Giám định viên của Bên B và/hoặc Giám định viên của đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định không có mặt hiện trường nơi xảy ra tổn thất, Bên B phải chấp nhận hiện trường và Biên bản giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất được lập bởi Bên A hoặc Chính quyền hoặc Cơ quan Công an địa phương nơi xảy ra sự cố hoặc người chứng kiến để làm cơ sở bồi thường thiệt hại và giải quyết khiếu nại.
- 9.6. Trường hợp Bên A thống nhất với nguyên nhân và các mức độ tổn thất do Bên B hoặc Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định đưa ra thì nguyên nhân và các mức độ tổn thất đó được lấy làm cơ sở để giải quyết bồi thường bảo hiểm.
- 9.7. Trường hợp Hai Bên không thống nhất được nguyên nhân và các mức độ tổn thất mà Bên B hoặc Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định đưa ra thì Hai Bên có thể thỏa thuận chỉ định một Đơn vị giám định độc lập khác để giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất. Kết quả giám định nguyên nhân và mức độ tổn thất do Đơn vị giám định độc lập được Hai Bên thống nhất chỉ định sẽ là cơ sở để giải quyết bồi thường bảo hiểm. Trường hợp Hai Bên không thống nhất chỉ định được Đơn vị giám định độc lập chung theo quy định nêu trên thì việc chỉ định Đơn vị giám định độc lập sẽ do Bên A thực hiện.
- 9.8. Trong trường hợp này, nếu kết quả giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất của Đơn vị giám định độc lập do Hai Bên hoặc Bên A chỉ định khác kết quả của Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định kết luận thì Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập. Trường hợp nếu kết quả giám định nguyên nhân và các mức độ tổn thất của Đơn vị giám định độc lập do Hai Bên hoặc Bên A chỉ định trùng với kết quả của Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định kết luận thì Bên A sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê Đơn vị giám định độc lập.
- 9.9. Bên A thực hiện mọi biện pháp trong khả năng của mình để hạn chế tổn thất thấp nhất, hỗ trợ người đại diện hay giám định viên của Bên B hoặc giám định viên của Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định và cung cấp thông tin, chứng từ, hoá đơn... hợp lý hợp lệ theo quy định pháp luật để xác định tính chất, mức độ và nguyên nhân tổn thất.

## **ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG**

10.1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường gồm 01 bản các tài liệu sau:

10.1.1. Thông báo tổn thất: bản gốc;

10.1.2. Biên bản giám định thiệt hại của đơn vị giám định theo quy định tại Điều 9 Hợp Đồng này,

hoặc biên bản xác nhận hiện trường được lập theo quy định tại Hợp Đồng: bản gốc;

10.1.3. Các tài liệu liên quan tới việc khắc phục sự cố: bản sao;

10.1.4. Yêu cầu bồi thường của Bên mua bảo hiểm: bản gốc;

10.1.5. Các tài liệu chứng minh giá trị tổn thất (nếu có bao gồm: hóa đơn nhập, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, bảng kê tài sản, ...): bản sao.

10.2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ, dựa trên mức độ thiệt hại theo kết luận giám định của công ty giám định được chỉ định, Bên B sẽ thông báo cho Bên A mức tiền bồi thường cho tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Bên A xác nhận đồng ý về số tiền được bồi thường, toàn bộ số tiền bồi thường sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A.

10.3. Nếu vụ tổn thất phức tạp mà thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì Bên B phải tạm ứng trước tối đa 50% số tiền bồi thường tạm tính trước khi hoàn tất thủ tục khiếu nại cho Bên A để nhanh chóng ổn định sản xuất, kinh doanh. Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày có báo cáo sơ bộ về tổn thất từ Công ty Giám định (nếu có) hoặc kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ đề xuất tạm ứng của Bên A, tùy thời điểm nào xảy ra trước. Để làm rõ, hồ sơ đề xuất tạm ứng gồm có:

Hồ sơ đề xuất tạm ứng bao gồm :

- Thư đề xuất tạm ứng: 01 bản gốc;
- Danh mục tài sản tổn thất: 01 bản gốc.

10.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết lý do từ chối trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm. Để làm rõ, Bên B không được từ chối bồi thường với lý do hồ sơ chưa đầy đủ. Trường hợp này Bên B phải hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ cùng với Bên A thu thập đầy đủ hồ sơ cần thiết hoặc có phương án nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Bên A.

10.5. Đồng tiền thanh toán: Khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm của B, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật, Bên B sẽ chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng Đồng Việt Nam.

10.6. Phương thức thanh toán, tạm ứng tiền bồi thường: chuyển khoản sang tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

10.7. Trong trường hợp Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường, tiền tạm ứng bồi thường, hoặc các nghĩa vụ tài chính khác cho Bên A thì phải trả lãi chậm trả cho Bên A theo mức lãi suất được tính bằng 10%/năm tính trên số ngày và số tiền chậm thanh toán.

## **ĐIỀU 11. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **11.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A**

11.1.1. Tạo điều kiện hỗ trợ Bên B hoặc đại diện Bên B tiến hành khảo sát đánh giá đối tượng bảo hiểm trước khi bảo hiểm và trong thời gian bảo hiểm;

11.1.2. Thực hiện đầy đủ công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;

11.1.3. Thông báo ngay lập tức cho Bên B những dấu hiệu có thể làm tăng khả năng xảy ra rủi ro của đối tượng bảo hiểm mà trong khả năng của Bên A có thể phát hiện được;

11.1.4. Khi tổn thất xảy ra, báo ngay cho Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy hoặc Công an địa phương đến cứu chữa kịp thời (nếu thuộc thẩm quyền của các cơ quan này) và lập Biên bản, bảo vệ hiện

trường tồn thất đồng thời thực hiện mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng để đề phòng và hạn chế tồn thất;

- 11.1.5. Phối hợp với Bên B trong việc giải quyết tồn thất và trong trường hợp cần thiết có thể ủy quyền cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B cùng với Bên A thương lượng với các Bên liên quan để giải quyết tồn thất;
- 11.1.6. Trường hợp thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm do người thứ ba gây ra, Bên A có trách nhiệm báo ngay cho Bên B và làm các thủ tục pháp lý cần thiết để bảo lưu quyền khiếu nại đòi người thứ ba của Bên B;
- 11.1.7. Hoàn tất các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới tồn thất làm cơ sở để giải quyết bồi thường theo quy định của Hợp Đồng.
- 11.1.8. Bên A có quyền ủy quyền cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B tham gia với Bên A để cùng làm việc với các bên liên quan để giải quyết tồn thất.

## **11.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B**

- 11.2.1. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về việc đáp ứng, đạt được mọi điều kiện, Giấy phép, chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và phê duyệt nội bộ để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ cung cấp cho Bên A bản sao chứng thực các tài liệu nói trên nếu Bên A có yêu cầu Bên B cung cấp.
- 11.2.2. Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp Đồng và các quy định pháp luật có liên quan.
- 11.2.3. Đánh giá rủi ro được bảo hiểm và tư vấn cho Bên A các biện pháp đề phòng, hạn chế tồn thất.
- 11.2.4. Hướng dẫn và phối hợp với Bên A để cùng xử lý khắc phục sự cố. Việc hướng dẫn bồi hợp giải quyết sự cố này không hàm ý sự cố thuộc trách nhiệm bảo hiểm, mà việc sự cố thuộc trách nhiệm bảo hiểm hay không sẽ được kết luận sau khi giám định, phân tích nguyên nhân, và kết luận của giám định viên độc lập/cơ quan chức năng.
- 11.2.5. Trong trường hợp được Bên A ủy quyền, thay mặt Bên A thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tồn thất.
- 11.2.6. Gửi Hồ sơ thanh toán cho Bên A đúng hạn.
- 11.2.7. Thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo quy định trong Hợp Đồng và quy định của pháp luật liên quan.
- 11.2.8. Đánh giá rủi ro được bảo hiểm và tư vấn cho Bên A các biện pháp đề phòng, hạn chế tồn thất.
- 11.2.9. Chịu trách nhiệm với các khảo sát đánh giá đối tượng bảo hiểm trước khi tiến hành ký Hợp Đồng.
- 11.2.10. Nếu tồn thất phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, phải hướng dẫn Bên A thu thập đầy đủ bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường.

## **ĐIỀU 12. CHẤM DỨT/ KHÔI PHỤC HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

- 12.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu Hợp Đồng.  
Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau, tùy thời điểm nào sau đây đến trước:
  - 12.1.1. Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm;
  - 12.1.2. Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Điều 7.6 của Hợp Đồng.
  - 12.1.3. Khi Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng.

12.1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**12.2.** Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng.

12.2.1. Bên B được quyền thu phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng vì bất cứ lý do nào, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

12.2.2. Bên B sẽ hoàn lại phí bảo hiểm trên cơ sở phí bảo hiểm đã được Bên A nộp đầy đủ, đúng hạn trừ đi phí bảo hiểm tương ứng với thời gian đã được bảo hiểm và các chi phí hợp lý có liên quan đến Hợp Đồng này với điều kiện Bên B chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường tính đến thời điểm chấm dứt hiệu lực bảo hiểm.

**12.3.** Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm

12.3.1. Trường hợp hiệu lực Hợp Đồng này tự động bị chấm dứt theo Điều 7.6 của Hợp Đồng, Hợp Đồng sẽ được khôi phục hiệu lực theo Điều 7.7 của Hợp Đồng.

12.3.2. Trường hợp hiệu lực Hợp Đồng này bị chấm dứt theo Điều 12.1.3 của Hợp Đồng, việc khôi phục hiệu lực Hợp Đồng (nếu có) sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Hai Bên.

**12.4.** Việc chấm dứt Hợp Đồng này vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp Đồng này.

### **ĐIỀU 13. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN**

**13.1.** Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là “**Người Của Bên A**” và “**Người Của Bên B**”) sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giảm giá, trích thường, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chủ quan (*cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...*) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp Đồng (“**Gian Lận**”), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp Đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (*các*) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.

**13.2.** Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: [thanhtra@tng-holdings.vn](mailto:thanhtra@tng-holdings.vn).

**13.3.** Trường hợp Bên A phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên B có hành vi Gian Lận, thì Bên A có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp Đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên B và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên A có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên A một khoản tiền có giá trị bằng 10 (*mười*) lần số tiền Gian Lận do Bên A xác định, hoặc 30% (*ba mươi phần trăm*) Phí bảo hiểm theo quy định của Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên A tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên B vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên B. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.

- 13.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện/không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa Hai Bên theo Hợp Đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa Hai Bên phát sinh từ Hợp Đồng này, và/hoặc kết hợp cả 02 hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên A.

#### ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản ghi trong Hợp Đồng này. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.
- 14.2. Hai Bên thỏa thuận với nhau rằng cho tới thời điểm ký Hợp Đồng chưa có tổn thất nào xảy ra theo trách nhiệm của Hợp Đồng này.
- 14.3. Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật của Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hai Bên nếu không được đề cập trong Hợp Đồng này thì sẽ được dẫn chiếu theo các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.4. Khi có quy định khác biệt giữa Hợp Đồng này, các tài liệu của Hợp Đồng và các Quy tắc bảo hiểm do Bên B ban hành và pháp luật có liên quan thì lựa chọn áp dụng quy định nào có lợi hơn cho Bên được bảo hiểm, trừ trường hợp việc áp dụng quy định đó vi phạm điều cấm của pháp luật.
- 14.5. Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp Đồng này phải được Hai Bên ký kết bằng văn bản và là một bộ phận không thể tách rời Hợp Đồng.
- 14.6. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định/ bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp bao gồm nhưng không giới hạn: án phí, chi phí tố tụng, chi phí luật sư sẽ do Bên thua kiện chịu.
- 14.7. Hợp Đồng lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để cùng thực hiện.

Để làm bằng, các Bên của Hợp Đồng chấp thuận và cùng ký tên, đóng dấu dưới đây:



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Bá Luân*



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Huy*

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## XÁC NHẬN CHUYÊN QUYỀN THỤ HƯỞNG BẢO HIỂM

(Áp dụng đối với Tài sản bảo đảm, ngoại trừ Phương tiện vận tải)

(Được đính kèm và là một bộ phận không tách rời Hợp đồng

bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm Số: HĐ34/2023/HĐBH/TNH-BVTL REF:6541522  
ngày 19/10/2023)

Hôm nay, ngày 19/09/2023, tại Hà Nội các bên gồm:

▪ **Doanh nghiệp bảo hiểm:** CÔNG TY BẢO VIỆT THẮNG LONG

Mã số thuế: 0101527385-075

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà ICON 4, số 243A, đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận  
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt NamDo ông (bà): **Nguyễn Văn Huy**; Chức vụ Giám đốc làm đại diện.Văn bản ủy quyền: UQ-BHBV Số 4126 ngày 06 tháng 09 năm 2023 của ông Nguyễn Xuân  
Việt - Tổng Giám đốc, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Bảo  
hiểm Bảo Việt▪ **Người được bảo hiểm<sup>1</sup>:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN  
TNH

Mã số thuế: 0107219179

Địa chỉ: Tầng 21, tòa Tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận  
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt NamDo ông (bà): **Nguyễn Bá Luân**; Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện.

CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: ..... do ..... cấp ngày: .....-.....-.....

Trên cơ sở Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm số HĐ34/2023/HĐBH/TNH-  
BVTL REF:6541522 ký ngày 19/10S/2023 giữa Doanh nghiệp bảo hiểm và Người được bảo  
hiểm, các bên đồng ý và xác nhận quyền thụ hưởng bảo hiểm theo các nội dung sau đây:

1. Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm đầu tiên và duy nhất tương ứng với nghĩa vụ nợ<sup>2</sup>  
của Người được bảo hiểm<sup>3</sup>/Bên vay vốn<sup>4</sup> tại MSB theo Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng  
nhận bảo hiểm nêu trên là:

<sup>1</sup> Người được bảo hiểm là một trong các chủ sở hữu tài sản (cá nhân hoặc pháp nhân) đứng tên trên Hợp đồng  
bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm

<sup>2</sup> Nợ gốc tín dụng (bao gồm cả các khoản nhận nợ bắt buộc với MSB sau khi MSB thực hiện trả thay các khoản  
bảo lãnh, L/C, phí bảo hiểm, phí định giá và/hoặc các phí, chi phí khác liên quan đến các khoản tín dụng), lãi tín  
dụng (bao gồm cả lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi), tiền phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản  
bảo đảm, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo các Hợp đồng tín dụng đã/đang/sẽ ký kết với MSB

<sup>3</sup> Sử dụng trong trường hợp Khách hàng (bên vay vốn ký Hợp đồng tín dụng với MSB) là chủ sở hữu tài sản và  
đồng thời là bên mua bảo hiểm.

<sup>4</sup> Sử dụng trong trường hợp Khách hàng (bên vay vốn ký Hợp đồng tín dụng với MSB) thế chấp tài sản của bên  
thứ ba và chủ sở hữu tài sản là bên mua bảo hiểm.



- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB).
  - Địa chỉ: 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.
2. Trường hợp phát sinh sự kiện bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được giải quyết bồi thường khi có văn bản xác nhận của MSB về nghĩa vụ nợ của Người được bảo hiểm/Bên vay vốn tại MSB tính đến thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm và số tiền MSB nhận bồi thường để cản trừ nghĩa vụ nợ của Người được bảo hiểm/Bên vay vốn, bao gồm nhưng không hạn chế trong các nội dung sau:
- MSB có thể ủy quyền cho Người được bảo hiểm nhận tiền bồi thường theo ý chí của MSB bằng văn bản.
  - Nếu số tiền bồi thường bảo hiểm nhỏ hơn hoặc bằng nghĩa vụ nợ của Người được bảo hiểm/Bên vay vốn tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm và trường hợp người nhận tiền bồi thường là MSB, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chuyển số tiền bồi thường vào tài khoản của MSB như sau:
    - Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
    - Số tài khoản: 280701007 tại Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
  - Nếu số tiền bồi thường bảo hiểm lớn hơn nghĩa vụ nợ của Người được bảo hiểm/Bên vay vốn tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm và trường hợp người nhận tiền bồi thường là MSB: Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chuyển số tiền bồi thường tương ứng với nghĩa vụ nợ của Người được bảo hiểm/Bên vay vốn tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm vào tài khoản của MSB nêu trên. Số tiền bồi thường chênh lệch còn lại Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện chi trả cho Người được bảo hiểm.
3. Thời hạn hiệu lực của xác nhận chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm này được xác định từ lúc bắt đầu thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và kết thúc khi Người được bảo hiểm/Bên vay vốn thanh toán đầy đủ mọi khoản nợ gốc, lãi và các khoản phải trả khác cho MSB theo các Hợp đồng cấp tín dụng (bao gồm các Hợp đồng tín dụng hạn mức/Hợp đồng cho vay/cấp bảo lãnh/chiết khấu/mở LC v.v...) đã ký và sẽ ký giữa Người được bảo hiểm/Bên vay vốn và MSB hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm hết hiệu lực tùy thời điểm nào đến trước.
4. Xác nhận chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm này là liên tục và không hủy ngang trong thời gian tài sản đang được thế chấp tại MSB. Bất kỳ sự thay đổi nào đối với Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm và Xác nhận chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm này đều phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của MSB.
5. Giấy xác nhận quyền thụ hưởng bảo hiểm này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản và Người thụ hưởng bảo hiểm giữ một (01) bản để làm căn cứ thực hiện.



Người được bảo hiểm

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Bá Luân*



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Huy*